

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Ấp Bắc, xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Ấp Bắc, xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 12/CV-CT ngày 12/3/2021 của Công ty Cổ phần 6.3;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 186/TTr-STNMT ngày 24 tháng 3 năm 2021 và hồ sơ kèm theo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Ấp Bắc, xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là dự án) với diện tích khu mỏ là 4,0 ha và diện tích bãi tập kết là 2.924,5 m<sup>2</sup>, do Công ty Cổ phần 6.3 làm Chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có) của Dự án.

4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Đại Lộc; Chủ tịch UBND xã Đại Minh; Giám đốc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam; Giám đốc Công ty Cổ phần 6.3; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT huyện Đại Lộc;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2021

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
GIÁM ĐỐC**



**Phụ lục**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN  
"DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT, SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG  
THƯỜNG TẠI THÔN ÁP BẮC, XÃ ĐẠI MINH, HUYỆN ĐẠI LỘC"**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021  
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Các thông tin về Dự án**

- Tên Dự án: Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Áp Bắc, xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần 6.3.
- Địa chỉ liên hệ: thôn Phú Sơn Nam, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**1.2. Phạm vi Dự án:**

Dự án gồm có 02 khu: khu khai thác có diện tích là 4,0ha nằm trong lòng sông Vu Gia và bãi tập kết có diện tích là 2.924,5m<sup>2</sup> có 3 mặt phía Đông, phía Tây, phía Bắc giáp đất sản xuất hoa màu, phía Nam giáp sông Vu Gia. Ranh giới khu khai thác và bãi tập kết được xác định bởi các điểm góc khép kín, hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup> có tọa độ được xác định như sau:

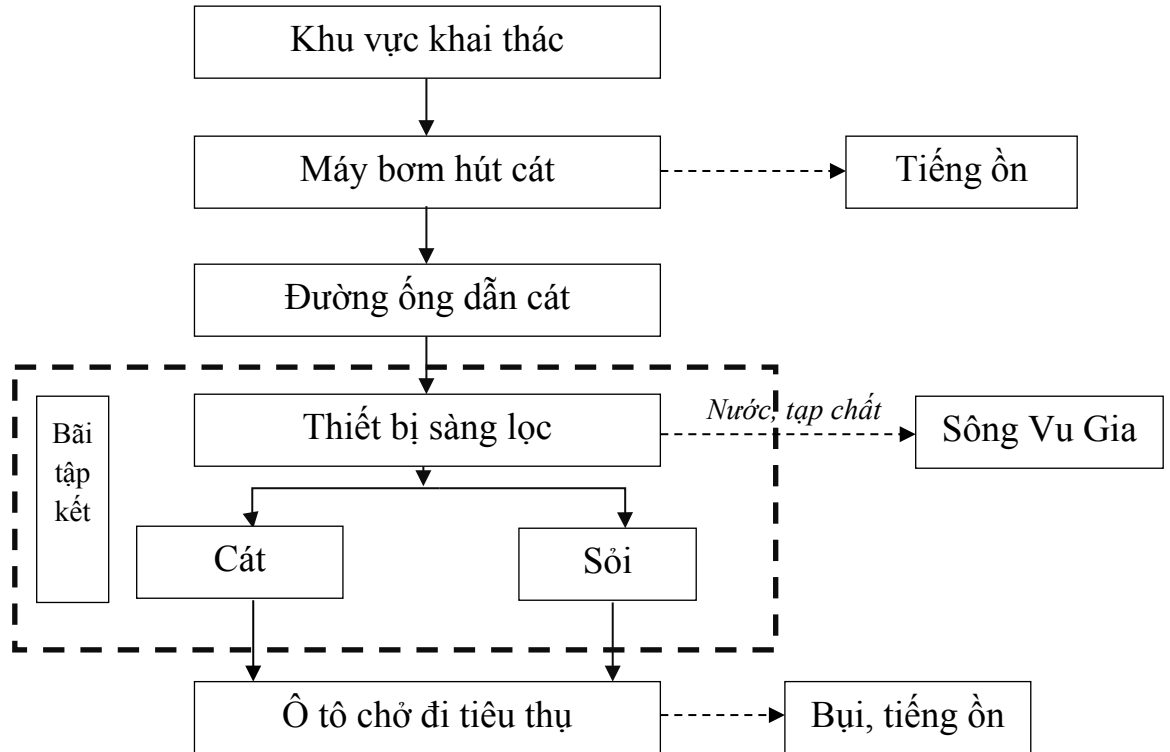
Điểm góc	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến 107 <sup>0</sup> 45', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X (m)	Y (m)
I	Khu khai thác (4,0ha)	
1	1755.456	533.811
2	1755.553	533.736
3	1755.337	533.475
4	1755.246	533.541
II	Bãi tập kết (2.924,5m <sup>2</sup> )	
1	1755.388	533.372
2	1755.363	533.387
3	1755.344	533.357
4	1755.310	533.325
5	1755.356	533.304
6	1755.377	533.345

**1.3. Quy mô của Dự án**

- Diện tích khu khai thác: 4,0ha .
- Diện tích bãi tập kết: 2.924,5m<sup>2</sup>.
- Công suất khai thác 35.000m<sup>3</sup> nguyên khối/năm Trong đó sản lượng cát 30.040 m<sup>3</sup>, sản lượng sỏi 4.960 m<sup>3</sup>.

- Tuổi thọ của dự án: theo Quyết định số 4017/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam cho phép Công ty Cổ phần 6.3 khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Ấp Bắc, xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam thì tuổi thọ dự án là 05 năm 07 tháng (bao gồm: thời gian khai thác 05 năm 05 tháng, thời gian xây dựng cơ bản mở 01 tháng, thời gian phục hồi môi trường 01 tháng) kể từ ngày 28/10/2015.

#### 1.4. Công nghệ khai thác chế biến khoáng sản



#### 1.5. Các hạng mục chính của Dự án

- Các hạng mục công trình đã có phục vụ khai thác:

	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Kết cấu công trình
1	Nhà điều hành	10	Nhà lắp ghép, mái lợp tôn
2	Lán trại	6	Nhà lắp ghép, mái lợp tôn
3	Lán trại	6	Nhà lắp ghép, mái lợp tôn
4	Nhà vệ sinh	1	Bố trí trong nhà điều hành

- Các hạng mục công trình xây dựng phục vụ thay đổi công nghệ khai thác của dự án:

	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lượng	Kết cấu công trình
1	Thiết bị sàng lọc	3	03	Lưới lọc và khung sắt

## **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án**

### **2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn khai thác**

- Đối với môi trường không khí: tiếng ồn, bụi, khí thải.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại.

### **2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn khai thác**

- Bụi thải: Bụi phát sinh từ quá trình xúc bốc cát tại bãi tập kết.
- Khí thải: Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông chủ yếu là CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.

### **2.3. Quy mô, tính chất của nước thải**

- Lượng nước thải sinh hoạt:
  - + Giai đoạn khai thác khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,72 m<sup>3</sup>/ngày.
  - + Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.
- Lượng nước thải sản xuất:
  - + Giai đoạn khai thác khối lượng nước thải sản xuất phát sinh khoảng 40m<sup>3</sup>/ngày.
  - + Tính chất của nước thải sản xuất là nước có độ đục cao.
- Nước mưa chảy tràn: chứa các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực dự án.

### **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường**

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là giấy, thức ăn thừa, bao bì nilon,.. khối lượng khoảng 14,4 kg/ngày.đêm.

### **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại**

- Chất thải nguy hại chủ yếu: phụ tùng, máy móc thiết bị hư hỏng chứa dầu mỡ, giẻ lau, dầu mỡ thải từ quá trình sửa chữa máy móc, phuy chứa dầu diesel, can, bao bì chứa dầu mỡ phụ, bóng đèn thải bỏ...khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 08kg/tháng.

## **3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

### **3.1. Về xử lý bụi, khí thải**

#### **a) Tại khu vực khai thác**

- Khai thác tuân thủ theo hồ sơ thiết kế, phương án, công suất khai thác được phê duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt.

- Sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc rõ ràng và bảo đảm các yêu cầu về chất lượng.

- Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật, hoạt động đúng công suất.

- Có kế hoạch khai thác một cách hợp lý, nhanh gọn, dứt điểm tại từng vị trí.

*b) Tại khu vực bãi tập kết*

- Những ngày khô, nắng, gió nhiều, tiến hành phun nước giữ ẩm tại bãi tập kết.

*c) Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển*

- Bố trí trạm rửa xe vận chuyển trước khi xe đi vào tuyến đường ĐT609.

- Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ; không chở cát, sỏi quá thành xe, quá trọng tải thiết kế.

- Lưu thông với tốc độ chậm để hạn chế bụi đất bị cuốn lên từ mặt đất.

- Sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và bảo đảm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt.

- Thường xuyên phun, tưới nước trên đoạn đường vận chuyển trên đoạn đường đất từ mỏ ra đường bê tông và đoạn đường bê tông khu vực qua khu dân cư đến đường ĐT609 (tần suất phun nước khoảng 04 lần/ngày vào những ngày nắng gió): 02 lần vào buổi sáng, 02 lần vào buổi chiều.

- Định kỳ 01 tuần 02 đến 03 lần cho công nhân đi thu gom đất, đá rơi vãi trên đoạn đường ĐT609.

- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa tuyến đường vận chuyển.

*3.2.2. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước*

*a) Đối với nước thải sinh hoạt*

- Sử dụng nhà vệ sinh có bể tự hoại tại khu vực nhà điều hành Công ty để CBCNV sinh hoạt vệ sinh. Khi kết thúc khai thác sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút sau đó lắp hố vôi vôi khử trùng trả lại mặt bằng.

*b) Đối với nước thải sản xuất*

- Nước thải phát sinh từ quá trình sàng lọc cát sỏi tại bãi tập kết được thu gom và đưa về hố lắng có kích thước 1 m x 3 m, chặn lắng trước khi thoát ra sông Vu Gia.

*3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR)*

- Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom CTR vào các thùng chứa có nắp đậy, tập

trung tại khu vực nhà điều hành và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

#### 3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Chất thải nguy hại: thu gom vào thùng chứa có nhãn dán phân loại và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 1m<sup>2</sup> tại bãi tập kết.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom đưa đi xử lý đúng quy định.

#### 3.2.5. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường

##### a) Phòng ngừa sự cố sạt lở

- Thực hiện khai thác đúng thiết kế, không gây ách tắc dòng chảy trong quá trình khai thác.

- Ngừng khai thác vào những ngày mưa to, lũ lớn,...

##### b) Phòng ngừa sự cố tràn dầu

- Thực hiện sửa chữa máy móc thiết bị định kỳ. Khi thay dầu nhớt quán triệt công nhân thu gom lưu chứa về kho chứa CTNH đúng quy định để tránh trường hợp tràn đổ ra ngoài.

- Bố trí công nhân thường xuyên kiểm tra, bảo trì các máy hút đặt trên sông.

- Bổ sung các phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu tại dự án như: phao quây,...

- Báo cáo ngay cho cơ quan chức năng tại địa phương để biết và phối hợp, hỗ trợ xử lý nếu sự cố xảy ra nhằm hạn chế tối đa các tác động đến môi trường, sinh vật sống trên sông.

### 4. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

#### 4.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Di chuyển các thiết bị ra khỏi khu vực dự án	cái	10
2	Tháo dỡ các hạng mục công trình phục vụ mỏ	m <sup>2</sup>	22
3	San gạt tuyến đường vận chuyên (dài 820m, rộng 5m)	m <sup>2</sup>	4.100
4	San gạt bãi tập kết	m <sup>2</sup>	2.924,5
5	Gia cố bờ sông đoạn qua dự án	m <sup>2</sup>	2.025

#### 4.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương án ký quỹ

- Tổng chi phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường 291.100.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu, một trăm ngàn đồng).

- Tổng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là 291.100.000 đồng (*Hai trăm chín mươi một triệu, một trăm ngàn đồng*).

- Số lần ký quỹ: Theo thời gian trong Dự án đầu tư thì tuổi thọ của mỏ là 5 năm 07 tháng (năm trong khoảng thời gian 01 năm  $<n < 10$  năm), do đó phải thực hiện ký quỹ nhiều lần. Trong đó:

+ Chủ dự án đã nộp tiền ký quỹ phục hồi môi trường 02 lần tại Kho bạc nhà nước Đại Lộc với tổng số tiền 115.961.165 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, chín trăm sáu mươi một ngàn, một trăm sáu mươi lăm đồng*). Cụ thể: lần 1 nộp ngày 18/6/2015 với số tiền 39.128.000 đồng; lần 2 nộp ngày 10/5/2019 với số tiền 76.833.165 đồng cho năm 2017, 2018, 2019).

+ Số tiền còn lại phải nộp: 175.138.835 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm ba mươi lăm đồng*).

- Thời điểm ký quỹ: Chủ đầu tư sẽ thực hiện ký quỹ ngay khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (trong trường hợp Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam chưa thành lập).

Để thực hiện việc ký quỹ theo đúng quy định hiện hành, đề nghị Kho bạc nhà nước Đại Lộc hướng dẫn Công ty Cổ phần 6.3 làm thủ tục chuyển số tiền ký quỹ 2 lần đã nộp tại Kho bạc nhà nước Đại Lộc với tổng số tiền 115.961.165 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, chín trăm sáu mươi một ngàn, một trăm sáu mươi lăm đồng*) vào số tài khoản của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo đúng quy định của nhà nước. Đồng thời, Công ty phải nộp thêm 175.138.835 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm ba mươi lăm đồng*) vào số tài khoản của Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam cho đảm bảo đúng số tiền ký quỹ nêu trên.

- Trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn khai thác khác với thời gian trong Phương án Cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt thì Chủ Dự án có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung và dự toán số tiền ký quỹ theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trình UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, quyết định.

### **5. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án**

<b>STT</b>	<b>Công trình bảo vệ môi trường</b>	<b>Chức năng</b>	<b>Quy mô</b>
1	Nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn	Xử lý nước thải sinh hoạt	01 nhà (đã có sẵn)
2	Kho lưu trữ chất thải nguy hại	Thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại	1m <sup>2</sup> (đã có sẵn)
3	Thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt	01 cái loại 240 lít



## 6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Khối lượng	Tần suất	Cơ sở so sánh, đánh giá
<b>II Giai đoạn khai thác</b>					
1	Giám sát Môi trường không khí	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, bụi, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO.	- 01 mẫu tại khu vực khai thác. - 01 mẫu tại khu vực bãi tập kết. - 01 mẫu trên tuyến đường vận chuyển. (cách khu vực dự án khoảng 1km).	06 tháng/lần	QCVN 05:2013/BTNMT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT
2	Giám sát nước mặt	Độ đục, pH, DO, TSS, BOD <sub>5</sub> , COD, NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , Amoni, Tổng dầu mỡ, Coliform.	- 01 mẫu tại vị trí dự án. - 01 mẫu tại vị trí cách khu vực khai thác 25m về phía hạ lưu.	06 tháng/lần	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1)
5	Giám sát CTR	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTR	- Toàn bộ dự án.	Thường xuyên	Nghị định 38/2015/NĐ-CP
6	Giám sát CTNH	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTNH	- Toàn bộ dự án.		Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT
7	Giám sát khác	Tình hình sạt lở, bồi lấp, thiên tai,..	- Toàn bộ dự án.	Thường xuyên	-

## 7. Trách nhiệm của Chủ dự án:

7.1. Tổ chức việc khai thác theo đúng tọa độ, diện tích trữ lượng của Dự án

được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7.2. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

7.3. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

7.4. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

7.5. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đại Lộc để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7.6. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

7.7. Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định. Lập, trình Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

7.8. Báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đại Lộc khi dự án hết giấy phép khai thác đến ngày 28/4/2021.

7.9. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.10. Chủ dự án có trách nhiệm nộp số tiền ký quỹ phải tính đến các yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó từ thời điểm Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt. Đồng thời, Chủ dự án phải có trách nhiệm kê khai và nộp tiền ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (trong trường hợp Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam chưa được thành lập) theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.11. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP

ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

### **8. Các điều kiện liên quan kèm theo:**

8.1. Tổ chức theo dõi, quan trắc các khu vực moong khai thác và có giải pháp phòng ngừa sự cố hiện tượng sạt lở; khi phát diện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

8.2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu nêu tại quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

8.3. Phối hợp chặt chẽ chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khai thác Dự án.